

## ●37. SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHẦN

### A – MỤC TIÊU

Giúp HS biết cách so sánh hai số thập phân và biết sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn (hoặc ngược lại).

### B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hướng dẫn HS tìm cách so sánh hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, chẳng hạn so sánh 8,1 và 7,9.

– GV hướng dẫn HS tự so sánh hai độ dài 8,1m và 7,9m (như trong SGK) để HS tự nhận ra :

- 8,1m > 7,9m nên  $8,1 > 7,9$ .
- Các số thập phân 8,1 và 7,9 có phần nguyên khác nhau và  $8 > 7$  nên  $8,1 > 7,9$ .

88

– GV giúp HS tự nêu được nhận xét : Trong hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

– GV nêu ví dụ và cho HS giải thích, chẳng hạn, vì sao  $2001,2 > 1999,7$ .

2. Hướng dẫn HS tìm cách so sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, phần thập phân khác nhau, chẳng hạn so sánh 35,7 và 35,698.

Thực hiện như trong SGK và tương tự như hướng dẫn trên.

3. Hướng dẫn HS tự nêu cách so sánh hai số thập phân và giúp HS thống nhất nêu như trong SGK.

*Chú ý :* Có thể hướng dẫn HS tự so sánh hai số thập phân không cần dựa vào so sánh các số đo độ dài. Tuy nhiên, đối với số đông HS vẫn nên hướng dẫn theo SGK để tránh những khó khăn không cần thiết.

### 4. Thực hành

GV hướng dẫn HS tự làm bài và chữa bài.

**Bài 1 :** Cho HS tự làm bài rồi chữa bài. Khi chữa bài nên cho HS giải thích kết quả làm bài. Chẳng hạn : c)  $0,7 > 0,65$  vì hai số thập phân này có phần nguyên bằng nhau (đều là 0), ở hàng phần mười có  $7 > 6$  nên  $0,7 > 0,65$ .

**Bài 2 :** Cho HS tự làm bài và chữa bài. Kết quả là :

6,375 ; 6,735 ; 7,19 ; 8,72 ; 9,01.

**Bài 3 :** Tương tự bài 2. Kết quả là :

0,4 ; 0,321 ; 0,32 ; 0,197 ; 0,187.